



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Số 24

Ngày 01 tháng 4 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

15-3-2011 -	Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và quản lý cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	03
17-3-2011 -	Chỉ thị số 10/2011/CT-UBND về tăng cường các biện pháp phòng trừ rầy nâu và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá hại lúa năm 2011 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	12
18-3-2011 -	Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.	17

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

28-02-2011 -	Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Bình Tân.	40
10-3-2011 -	Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Bình Tân.	51

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

- 16-3-2011 - Chi thị số 02/2011/CT-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; phấn đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, ngân sách quận năm 2011. 60

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế tổ chức và quản lý
cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4521/TTr-STP-KTrVB ngày 02 tháng 11 năm 2010 và số 6445/STP-KTrVB ngày 31 tháng 12 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và quản lý cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp,

Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về tổ chức và quản lý công tác viên kiểm tra văn bản
quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý công tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là công tác viên); quy định về tiêu chuẩn; quyền, nghĩa vụ của công tác viên; mối quan hệ của công tác viên với cơ quan sử dụng công tác viên tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Cơ quan sử dụng công tác viên

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp quận, huyện là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sử dụng công tác viên phục vụ cho việc kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc xây dựng và quản lý đội ngũ công tác viên.

3. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp quyết định số lượng công tác viên tùy thuộc vào phạm vi, tính chất, số lượng văn bản cần kiểm tra.

Điều 3. Công tác viên

1. Công tác viên kiểm tra văn bản là chuyên gia, người có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra; có kiến thức về pháp luật chuyên ngành, do Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp ký hợp đồng công tác, hoạt động theo cơ chế khoán việc hoặc làm việc có thời hạn, chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ và thực hiện theo yêu cầu của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

2. Cộng tác viên bao gồm:

a) Cộng tác viên thành phố: chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ của Sở Tư pháp;

b) Cộng tác viên quận, huyện: chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ của Phòng Tư pháp.

Điều 4. Mối quan hệ giữa cộng tác viên và cơ quan sử dụng cộng tác viên

1. Cộng tác viên và cơ quan sử dụng cộng tác viên thiết lập mối quan hệ trên cơ sở hợp đồng cộng tác, thỏa thuận, bình đẳng và tự nguyện giữa hai bên.

2. Cơ quan sử dụng cộng tác viên có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ cho cộng tác viên, tạo điều kiện cho cộng tác viên thực hiện công việc được giao; được sử dụng kết quả công việc của cộng tác viên theo yêu cầu công việc của mình.

Chương II TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỘNG TÁC VIÊN

Điều 5. Tiêu chuẩn cộng tác viên

1. Tốt nghiệp Đại học Luật hoặc Đại học chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực văn bản được kiểm tra;

2. Có thời gian làm công tác xây dựng, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật từ 02 năm trở lên.

Điều 6. Thủ tục ký hợp đồng cộng tác viên

Căn cứ nhu cầu công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp ký hợp đồng với những người có đủ điều kiện quy định tại Điều 5.

Hợp đồng cộng tác viên được thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Quy định này và các giấy tờ sau:

- Bản sao văn bằng của cộng tác viên;

- Giấy giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị nơi công tác xác nhận về thời gian làm công tác xây dựng, kiểm tra văn bản của cộng tác viên.

Điều 7. Những trường hợp không được ký hợp đồng cộng tác viên

1. Giám đốc Sở Tư pháp không ký hợp đồng cộng tác viên với cán bộ, công chức của Sở Tư pháp chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra và xử lý văn bản.

2. Trưởng Phòng Tư pháp không ký hợp đồng cộng tác viên với cán bộ, công chức của đơn vị mình.

Điều 8. Phạm vi hoạt động của cộng tác viên

Cộng tác viên được phân công thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham gia công tác kiểm tra văn bản: xem xét, đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản theo các điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

b) Tham gia hỗ trợ công tác rà soát thường xuyên, định kỳ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Cộng tác viên không được tham gia vào hoạt động kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản thuộc danh mục bí mật nhà nước dưới bất kỳ hình thức nào.

3. Căn cứ năng lực, trình độ chuyên môn của cộng tác viên, nhu cầu công tác kiểm tra văn bản, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp giao việc cho cộng tác viên theo hình thức khoán việc hoặc làm việc theo thời gian.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng cộng tác viên

Cơ quan sử dụng cộng tác viên chấm dứt hợp đồng cộng tác viên trong các trường hợp sau:

1. Theo yêu cầu của cộng tác viên;

2. Cộng tác viên không khách quan, không trung thực trong thực hiện công việc được giao;

3. Cộng tác viên không đảm bảo thực hiện công việc đúng yêu cầu về thời gian và chất lượng theo hợp đồng hoặc theo yêu cầu;

4. Lợi dụng danh nghĩa cộng tác viên để thực hiện các hoạt động khác ngoài công tác kiểm tra văn bản được giao;

5. Cộng tác viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

Chương III**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỘNG TÁC VIÊN****Điều 10. Quyền của cộng tác viên**

1. Được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, xử lý văn bản.

2. Được cung cấp tài liệu, văn bản và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định.

3. Được hưởng chế độ kinh phí chi hoạt động của cộng tác viên theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

Điều 11. Nghĩa vụ của cộng tác viên

1. Tham gia thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan sử dụng cộng tác viên theo quy định.

2. Đảm bảo sự chính xác, khách quan trong công tác kiểm tra văn bản của mình.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm tra văn bản pháp luật và Quy chế này.

4. Giữ bí mật công tác, bí mật nhà nước.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này;

2. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo hoạt động của cộng tác viên kiểm tra văn bản theo quy định của pháp luật;

3. Thủ trưởng các cơ quan đơn vị chủ quản của cộng tác viên có trách nhiệm giới thiệu cộng tác viên có tiêu chuẩn theo quy định của Quy chế này; hỗ trợ, tạo điều kiện cho cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo quy định;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo Trưởng Phòng Tư pháp và các bộ phận có liên quan ở địa phương triển khai thực hiện Quy chế này; đảm bảo kinh phí cho hoạt động của cộng tác viên theo quy định;

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh thì các cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm đề xuất để Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

(Đính kèm mẫu hợp đồng cộng tác viên)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

Phụ lục**Mẫu hợp đồng cộng tác viên kiểm tra văn bản**

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và quản lý cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

**CƠ QUAN SỬ DỤNG
CỘNG TÁC VIÊN (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....-HĐCT , ngày tháng năm

HỢP ĐỒNG CỘNG TÁC VIÊN

Chúng tôi, một bên là ông (bà):

Chức vụ

Đại diện cho (1):

Địa chỉ:

Và một bên là ông (bà):

Sinh ngày tháng năm

Chứng minh nhân dân số: cấp ngày tháng năm

Cơ quan cấp:

Nơi làm việc:

Chức vụ, chuyên môn:

Địa chỉ thường trú:

Thỏa thuận ký kết hợp đồng cộng tác và cam kết thực hiện đúng các điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và chế độ làm việc

1. Ông (bà) làm việc theo hợp đồng cộng tác từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

2. Cộng tác theo vụ việc hoặc thường xuyên:

3. Thời gian làm việc (số lượng giờ, ngày trong 1 tuần hoặc 1 tháng):

Điều 2: Nội dung công việc

1. Tham gia công tác kiểm tra văn bản: xem xét, đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản theo các điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP; đề xuất xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật;

2. Tham gia công tác rà soát thường xuyên, định kỳ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 3: Chế độ chi cho hoạt động của công tác viên

1. Cộng tác viên được hưởng thù lao

- Theo văn bản xin ý kiến với mức là:/văn bản

- Theo thời gian làm việc với mức là:

2. Cộng tác viên được thanh toán công tác phí tham gia đoàn kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực theo mức/ngày.

3. Chế độ thù lao và công tác phí của cộng tác viên có thể được điều chỉnh theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của cộng tác viên

1. Được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ về công tác kiểm tra, xử lý văn bản.

2. Được cung cấp tài liệu, văn bản và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ cho công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định.

3. Được hưởng chế độ kinh phí chi hoạt động của cộng tác viên theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp;

4. Tham gia thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo đúng thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc theo yêu cầu của cơ quan sử dụng cộng tác viên theo quy định.

5. Đảm bảo sự chính xác, khách quan trong công tác kiểm tra văn bản của mình.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm tra văn bản pháp luật và Quy chế này.

7. Giữ bí mật công tác.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của cơ quan sử dụng cộng tác viên

1. Cơ quan sử dụng cộng tác viên có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ cho cộng tác viên, tạo điều kiện cho cộng tác viên thực hiện công việc được giao;
2. Thanh toán đầy đủ thù lao và công tác phí cho cộng tác viên theo quy định;
3. Được sử dụng kết quả công việc của cộng tác viên theo yêu cầu công việc của mình.

Điều 6. Điều khoản chung

1. Hợp đồng cộng tác viên có hiệu lực từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm
2. Hợp đồng cộng tác viên được chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Điều 9 Quy chế tổ chức và quản lý cộng tác viên kiểm tra văn bản ban hành theo Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.
3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có những thay đổi, bổ sung hoặc đề xuất cần thảo luận thì hai bên sẽ cùng bàn bạc, giải quyết.
4. Hợp đồng này được lập thành 2 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

CỘNG TÁC VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
SỬ DỤNG CỘNG TÁC VIÊN**
(Ký tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2011/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2011

CHỈ THỊ

Về tăng cường các biện pháp phòng trừ rầy nâu và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá hại lúa năm 2011 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Tính từ đầu năm 2011 đến nay, tình hình rầy nâu ở các tỉnh phía Nam diễn biến hết sức phức tạp. Theo báo cáo của Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Nam từ 18 tháng 01 năm 2011 đến 15 tháng 02 năm 2011, tổng diện tích nhiễm rầy nâu là 98.709 ha (tăng 31.775 ha so với cùng kỳ năm trước) với mật số phổ biến 1.000 - 2.000 con/m², nơi cao trên 3.000 - 7.000 con/m². Các tỉnh có rầy nâu xuất hiện phổ biến như: Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Tiền Giang, đồng thời đã xuất hiện bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá tại tỉnh Tây Ninh.

Trong thời gian vừa qua ngành nông nghiệp thành phố đã phối hợp với chính quyền địa phương, ban, ngành các cấp thực hiện tốt kế hoạch gieo cấy lúa đồng loạt và tích cực triển khai các biện pháp phòng trừ rầy nâu có hiệu quả. Ước tính diện tích lúa gieo trồng trên địa bàn thành phố trong năm 2011 khoảng 19.000 ha, riêng vụ Đông Xuân 2010 - 2011 là 5.600 ha, hiện đã gieo cấy được 5.405,3 ha, chủ yếu đang trong giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng. Hiện nay tuy chưa xuất hiện bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá nhưng nguy cơ rầy nâu và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá có khả năng bộc phát khá cao.

Nhằm tổ chức triển khai công tác phòng, chống rầy nâu và bệnh vàng lùn - lùn xoắn lá ngay từ đầu năm, không để dịch hại lúa bộc phát gây thiệt hại ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng lúa, đảm bảo ổn định đời sống cho bà con nông dân; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện có sản xuất lúa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc các công việc sau đây:

1. Ban Chỉ đạo phòng, chống rầy nâu, bệnh vàng lùn và bệnh lùn xoắn lá cấp thành phố:

Theo dõi, kiểm tra, nắm chắc diễn biến tình hình dịch hại, tham mưu kịp thời cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo việc phòng trừ rầy nâu và bệnh hại lúa an toàn, hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân huyện: Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ và các quận: 2, 9, Bình Tân:

2.1. Chỉ đạo áp dụng triệt để các biện pháp phòng trừ không để bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá lây lan trên lúa trong năm 2011 đối với những nơi chưa thể chuyển đổi sang cây trồng khác như:

- Hướng dẫn nông dân các biện pháp chăm sóc lúa đúng kỹ thuật, sử dụng giống có xác nhận, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hợp lý, có hiệu quả.

- Đảm bảo gieo sạ tập trung, kiên quyết ngăn chặn tình trạng xuống giống rải rác, không theo thời vụ.

- Chủ trì phối hợp với ngành nông nghiệp (Bảo vệ thực vật, Khuyến nông), chỉ đạo các phường, xã và các đơn vị liên quan vận động nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để kịp thời phát hiện và xử lý rầy khi có mật số cao, đặc biệt là đối với lúa trên 40 ngày tuổi.

- Chỉ đạo Đài truyền thanh quận, huyện, phường, xã, thị trấn tăng cường thông tin thường xuyên cho nông dân các biện pháp phát hiện, các biện pháp phòng trị rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và các sâu bệnh khác.

2.2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường có sản xuất lúa phối hợp với các đoàn thể, ngành nông nghiệp tập trung tuyên truyền, vận động nông dân chuyển đổi diện tích lúa có năng suất thấp sang cây trồng có giá trị kinh tế cao.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

3.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên cập nhật, theo dõi diễn biến rầy nâu - bệnh hại lúa tại thành phố, trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, kịp thời chủ động ứng phó với dịch rầy nâu và bệnh hại lúa trong năm 2011.

3.2. Chỉ đạo Chi cục Bảo vệ thực vật khẩn trương tổ chức thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, chuyên môn trong công tác phòng, chống dịch rầy nâu, bệnh hại lúa như:

- Tăng cường kiểm tra đồng ruộng nắm chắc tình hình rầy nâu và bệnh hại lúa

trên địa bàn thành phố và trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ để dự tính, dự báo chính xác khả năng phát sinh gây hại của rầy nâu và bệnh hại lúa.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân các biện pháp phòng trị rầy nâu và bệnh hại lúa, lưu ý tập trung gieo sạ tránh rầy, sử dụng thuốc theo nguyên tắc “4 đúng”: đúng loại thuốc, đúng liều lượng, đúng cách, đúng thời điểm; áp dụng “ba giảm; ba tăng”: giảm lượng giống gieo sạ, giảm phân bón, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật; tăng năng suất, tăng chất lượng, tăng hiệu quả kinh tế; “một phải; năm giảm”: phải sử dụng giống lúa có xác nhận; giảm lượng nước vừa đủ, giảm thất thoát sau thu hoạch, giảm lượng giống gieo sạ, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, giảm phân đạm.

- Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp sinh học trong quản lý dịch hại, nhân rộng mô hình sử dụng nấm *Metarhizium anisopliae* trong phòng trừ rầy nâu, mô hình sản xuất lúa VietGAP theo Quyết định số 2998/QĐ-BNN-TT ngày 09 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy trình thực hành sản xuất tốt (VietGAP) cho lúa.

- Chuẩn bị vật tư, phương tiện phòng, chống dịch; phân công cán bộ tăng cường công tác ở cơ sở để giám sát chặt chẽ tình hình và diễn biến của các đối tượng dịch hại nguy hiểm trên đồng ruộng, đặc biệt là rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và các loài sâu bệnh hại khác, hướng dẫn nông dân phát hiện và xử lý kịp thời, không để rầy nâu, bệnh hại lúa bột phát thành dịch.

- Phối hợp với Chi cục Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, lực lượng Công an tăng cường lực lượng kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

3.3. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông:

- Tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn nông dân các biện pháp kỹ thuật sử dụng giống, phân bón, kỹ thuật canh tác lúa có hiệu quả.

- Phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện vận động nông dân tăng cường sử dụng giống lúa có xác nhận, giống lúa kháng rầy.

- Lòng ghép tuyên truyền công tác phòng trừ rầy nâu, bệnh hại lúa trong các buổi hội thảo, tập huấn cho nông dân.

3.4. Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão theo dõi diễn biến độ

mặn, tình hình thời tiết, tình hình khô hạn để thông báo, hướng dẫn cho nông dân và có kế hoạch điều tiết nước kịp thời; xây dựng kế hoạch cung cấp, điều tiết nước, phương án chống hạn; phối hợp với chính quyền địa phương thông báo kịp thời lịch cung cấp nước để nông dân biết và sử dụng nước hợp lý theo đúng nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sản xuất.

4. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kinh phí phòng, chống rầy nâu và bệnh hại lúa năm 2011.

- Hướng dẫn các Sở, ngành, quận, huyện lập dự toán kinh phí phòng, chống rầy nâu và bệnh hại lúa; bố trí đủ kinh phí kịp thời, tổ chức thực hiện cấp phát, thanh quyết toán và kiểm tra việc thực hiện kinh phí, đảm bảo các yêu cầu công tác hoạt động phòng, chống rầy nâu và bệnh hại lúa theo kế hoạch đã được phê duyệt.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ban, ngành liên quan, huy động Phòng Văn hóa và Thông tin các quận, huyện tăng cường công tác tuyên truyền qua băng rôn, áp phích, tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân về các chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, vận động nông dân chuyển đổi diện tích lúa sang cây trồng có giá trị kinh tế cao.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân quận, huyện để thông tin kịp thời tình hình hạn hán, dịch bệnh và các biện pháp phòng trừ.

6. Sở Công Thương:

Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường phối hợp với Chi cục Bảo vệ thực vật, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, lực lượng Công an, tăng cường lực lượng kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và vật tư nông nghiệp khác. Xử phạt nghiêm các trường hợp tăng giá sản phẩm; thuốc, phân bón ngoài danh mục; hàng giả, kém chất lượng...

7. Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Thành Đoàn thành phố: tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nông dân quán triệt và thực hiện tốt công tác phòng, chống rầy nâu và bệnh hại lúa theo Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố.

Để ngăn chặn, phòng, chống và xử lý kịp thời rầy nâu và bệnh hại lúa trong năm 2011 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ

trưởng các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các doanh nghiệp có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2011/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Nghị quyết của Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ IX, giai đoạn 2011 - 2015;

Xét Tờ trình số 172/CQTT-SNN ngày 15 tháng 02 năm 2011 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020 (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, huyện và các đơn vị liên quan để triển khai chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 – 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Hội Nông dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày được nâng cao.

2. Mục tiêu cụ thể:

- *Giai đoạn 2010 - 2015:*

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố lần thứ IX, đến năm 2015, phấn đấu có 28 xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Trong đó:

+ Đến năm 2011: **01 xã** (Tân Thông Hội huyện Củ Chi), xã điểm do Trung ương chọn đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

Hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch nông thôn mới: đạt 100% số xã.

+ Đến năm 2012: thêm **05 xã** - các xã điểm do Thành phố chọn (Thái Mỹ, huyện Củ Chi; Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn; Tân Nhựt, huyện Bình Chánh; Nhơn Đức, huyện Nhà Bè và Lý Nhơn huyện Cần Giờ), đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Nâng tổng số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới trên địa bàn thành phố là 06 xã.

+ Đến năm 2015: **thêm 22 xã**; *gồm huyện Củ Chi, thêm 09 xã*: Trung Lập Hạ, Nhuận Đức, Trung An, An Nhơn Tây, Tân Thạnh Đông, Tân Thạnh Tây, Tân Phú

Trung, Trung Lập Thượng và Phước Thạnh; *huyện Hóc Môn, thêm 05 xã*: Nhị Bình, Thới Tam Thôn, Xuân Thới Sơn, Đông Thạnh và Tân Hiệp; *huyện Bình Chánh, thêm 04 xã*: Bình Lợi Quy Đức, Đa Phước và Bình Chánh; *huyện Nhà Bè, thêm 02 xã*: Long Thới và Phước Lộc; *huyện Cần Giờ, thêm 02 xã*: Bình Khánh và Tam Thôn Hiệp - đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. *Nâng tổng số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới trên địa bàn thành phố là 28 xã.*

Các xã còn lại phấn đấu đạt tối thiểu 10/19 tiêu chí, nhất là các tiêu chí về quy hoạch (tiêu chí 1), thủy lợi (tiêu chí 3), điện (tiêu chí 4), trường học (tiêu chí 5), bưu điện (tiêu chí 6), nhà ở dân cư nông thôn (tiêu chí 9), hộ nghèo (tiêu chí 11), giáo dục (tiêu chí 14), y tế (tiêu chí 15), hệ thống chính trị vững mạnh (tiêu chí 18), An ninh quốc phòng (tiêu chí 19).

- **Giai đoạn 2015 - 2020**: Phấn đấu 100% các xã trên địa bàn vùng nông thôn thành phố đạt tiêu chuẩn nông thôn mới (theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới) và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được theo mức chuẩn cao hơn. Trong đó:

+ Đến năm 2017: thêm 30 xã còn lại, đạt 100% tổng số xã trên địa bàn thành phố đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

+ Giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020: Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được theo chuẩn cao hơn.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời gian thực hiện chương trình: từ năm 2010 đến năm 2020.

2. Chương trình triển khai trên phạm vi vùng nông thôn thành phố Hồ Chí Minh, lấy xã làm đơn vị thực hiện.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 01 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2011, hoàn thành 100% (58 xã) về công tác quy hoạch xây dựng nông thôn làm cơ sở đầu tư xây dựng nông thôn, thực hiện các tiêu chí khác trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

b) Nội dung:

* **Nội dung 1:** Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Cụ thể:

- Năm 2010: 06 xã (tỷ lệ 10%) hoàn thành công tác quy hoạch đến năm 2020.

- Năm 2011: 52 xã (tỷ lệ 90% - không tính 6 xã điểm nông thôn mới đã hoàn thành công tác quy hoạch vào năm 2010) hoàn thành công tác quy hoạch đến năm 2020.

* *Nội dung 2:* Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã. Cụ thể:

- Năm 2010: 06 xã (tỷ lệ 10%) hoàn thành công tác quy hoạch đến năm 2020.

- Năm 2011: 52 xã (tỷ lệ 90% - không tính 6 xã điểm nông thôn mới đã hoàn thành công tác quy hoạch vào năm 2010) hoàn thành công tác quy hoạch đến năm 2020.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn địa phương thực hiện nội dung 1;

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện nội dung 2;

- Ủy ban nhân dân các huyện hướng dẫn các xã rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh và phê duyệt các quy hoạch trên; bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất và hướng dẫn của các cơ quan thẩm quyền, chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng quy hoạch, tổ chức lập quy hoạch, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện các quy hoạch được duyệt.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1. Giao thông:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã.

Hoàn thiện mạng lưới giao thông liên suốt nối liền huyện, xã, ấp. Đến năm 2015: 100% đường giao thông từ trung tâm xã về đến các ấp được tráng nhựa hay bê tông nhựa nóng; đường giao thông trục ấp, ngõ xóm được cứng hóa, không lầy lội; hệ thống giao thông nội đồng được nâng cấp thuận tiện cho việc vận chuyển vật tư nông nghiệp, sản phẩm.

c) Phân công quản lý thực hiện:

- Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện việc hoàn thiện đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.2. Điện:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Đến năm 2015, hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; 100% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên và an toàn từ các nguồn điện của xã.

c) Phân công quản lý thực hiện:

- Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện nội dung hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.3. Nhà văn hóa:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã.

- Đến năm 2015, trên 50% (30 xã) và đến năm 2017, 100% (58 xã) có Trung tâm văn hóa thể dục thể thao, tụ điểm sinh hoạt văn hóa, phòng đọc sách xã được nâng cấp về cơ sở vật chất, thiết chế hoạt động và cơ chế vận hành linh hoạt tương xứng để thường xuyên có nội dung sinh hoạt phong phú, đa dạng đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của cộng đồng dân cư ở nông thôn; đài truyền thanh xã đảm bảo thông tin phủ kín trên địa bàn.

- Đến năm 2015, trên 50% (30 xã) và đến năm 2017, 100% (58 xã) có tụ điểm sinh hoạt văn hóa, khu thể thao áp đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Phân công quản lý thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.4. Trạm y tế:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã. Đến năm 2015, 100% trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

c) Phân công quản lý thực hiện:

- Sở Y tế hướng dẫn thực hiện nội dung hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về y tế trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.5. Trường học:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã. Đến năm 2015, 100% trường học cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn Quốc gia.

Phát triển hệ thống đào tạo nghề và trung học chuyên nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu công nhân kỹ thuật lành nghề phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn thành phố.

c) Phân công quản lý thực hiện:

- Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nội dung hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.6. Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, văn phòng ấp và nhà ở dân cư:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Hoàn chỉnh trụ sở Ủy ban nhân dân xã, văn phòng ấp và các công trình phụ trợ; hỗ trợ sửa chữa kiên cố nhà ở khu dân cư với kết cấu khung trang, hài hòa với môi trường thiên nhiên.

- Đến năm 2012: 100% số hộ dân không sống trong nhà tạm, dột nát. Đến năm 2015: 100% số hộ dân có nhà ở kiên cố.

- Đến năm 2015: 100% xã, ấp có trụ sở, văn phòng đạt chuẩn Quốc gia.

c) Phân công quản lý thực hiện:

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn thực hiện nội dung hoàn chỉnh trụ sở Ủy ban nhân dân xã, văn phòng ấp và các công trình phụ trợ.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn thực hiện nội dung nhà ở dân cư nông thôn trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.7. Hệ thống thủy lợi:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Cải tạo, xây dựng mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã.

Tùy điều kiện tự nhiên từng xã, hệ thống thủy lợi có chức năng tiêu, thoát nước, giao thông nông thôn; đến năm 2015, 100% hệ thống thủy lợi cung cấp đủ nước để khai thác toàn bộ diện tích đất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và đáp ứng yêu cầu dân sinh.

c) Phân công quản lý thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện nội dung cải tạo, xây dựng mới hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.8. Chợ nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Cải tạo, xây dựng mới chợ đáp ứng nhu cầu mua bán của dân cư nông thôn. Đến năm 2015, có trên 50% số xã (30 xã) có chợ đạt chuẩn quốc gia; đến năm 2017, 100% số xã có chợ đạt chuẩn quốc gia.

c) Phân công quản lý thực hiện:

- Sở Công Thương hướng dẫn thực hiện nội dung quy hoạch, cải tạo, xây dựng mới chợ trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.9. Bưu chính - viễn thông:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Cải tạo, xây dựng mới bưu điện đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc của dân cư nông thôn. Đến năm 2015, 100% xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông đạt chuẩn quốc gia; 100% ấp có hệ thống internet. Thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ để 100% hộ gia đình có điện thoại (cố định, di động).

Ứng dụng công nghệ thông tin giúp nâng cao năng lực quản lý, theo dõi và giám sát quy trình sản xuất, phân phối, tiếp thị. Đặc biệt, hệ thống thông tin địa lí (GIS) được ứng dụng trên thực địa để theo dõi sát tình hình sâu bệnh, dịch tễ...

c) Phân công quản lý thực hiện:

- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung cải tạo, xây dựng mới điểm phục vụ bưu chính viễn thông trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập:

3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2015, thu nhập bình quân người/năm của 30 xã xây dựng nông thôn mới so với mức bình quân chung của khu vực nông thôn thành phố Hồ Chí Minh tăng 1,5 lần. Đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người/năm ở nông thôn vào khoảng 4.500 USD bằng khoảng 75% bình quân toàn thành phố.

b) Nội dung: Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp; trong cơ cấu kinh tế thành phố đến 2015, tỷ trọng GDP ngành nông nghiệp chiếm 1%. Giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp giai đoạn 2011 - 2020: tăng trên 4%/năm; trong đó giai đoạn 2011 - 2015 tăng trên 5%/năm. Đến năm 2015, giá trị sản xuất bình quân đạt 220 triệu đồng/ha/năm và năm 2020 là 300 triệu đồng/ha/năm.

Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến công; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong phát triển giống cây, giống con chất lượng cao, hình thành giống cây, giống con, dịch vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến của khu vực và vùng kinh tế trọng điểm.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào nông thôn, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ thân thiện với môi trường nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho cư dân nông thôn. Bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống theo phương châm “Mỗi làng một sản phẩm”, phát triển ngành nghề theo thế mạnh của từng địa phương.

c) Phân công quản lý, thực hiện đề án:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các hội, đoàn thể hướng dẫn thực hiện nội dung chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nâng cao thu nhập trên địa bàn xã.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các hội, đoàn thể hướng dẫn thực hiện nội dung chuyển dịch cơ cấu kinh tế công nghiệp và thương mại dịch vụ, nâng cao thu nhập trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3.2. Chuyển dịch cơ cấu lao động:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn. Hàng năm tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trên tổng số lao động đang làm việc đạt trên 65%; giải quyết việc làm cho 40.000 - 50.000 lao động nông thôn.

c) Phân công quản lý, thực hiện đề án:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ và các hội, đoàn thể liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung chuyển dịch cơ cấu lao động trên địa bàn xã.

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

b) Nội dung:

* *Nội dung 1:* Tiếp tục triển khai chương trình giảm nghèo giai đoạn 3 của thành phố đạt thu nhập trên 12 triệu/người/năm vào năm 2015 và giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí 2 USD/người/ngày xuống còn dưới 1% năm 2020.

* *Nội dung 2:* Thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà dột nát cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

- Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện các nội dung trên;

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng đề án theo các nội dung có liên quan nêu trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã tổ chức xây dựng dự án, lấy ý kiến của người dân, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

5. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2015, có trên 50% số xã đạt chuẩn (30 xã) và đến năm 2017 có 100% số xã đạt chuẩn.

b) Nội dung:

* *Nội dung 1:* Phát triển kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã.

Liên kết sản xuất hộ nông dân tập trung vào phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã. Đến năm 2015: có trên 100% số xã (30 xã) có THT và HTX làm ăn có hiệu quả; tỷ lệ cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo có trình độ đại học đạt 50% và trình độ trung cấp đạt 80%; tỷ trọng tổng sản phẩm của khu vực kinh tế tập thể chiếm 3% GDP nông nghiệp (bao gồm cả kinh tế của các thành viên).

* *Nội dung 2:* Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Mở rộng hợp đồng tiêu thụ nông sản, phấn đấu đến năm 2015 có 60% sản phẩm tiêu thụ thông qua các hợp đồng kinh tế ổn định và 95% vào năm 2020.

* *Nội dung 3:* Thực hiện chính sách thúc đẩy liên kết kinh tế giữa các loại hình kinh tế ở nông thôn: Liên hiệp hợp tác xã cùng ngành nghề, liên tổ hợp tác, liên kết doanh nghiệp với hợp tác xã, tổ hợp tác...

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã, chủ trì, phối hợp với các hội, đoàn thể có liên quan hướng dẫn thực hiện nội dung 1 và 3;

- Sở Kế hoạch Đầu tư chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung 2;

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo các nội dung có liên quan nêu trên; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án theo nội dung 1, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

6. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 14 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung: Tiếp tục thực hiện hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các hội, đoàn thể hướng dẫn thực hiện các nội dung trên;

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

7. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

b) Nội dung: Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong lĩnh vực

về y tế, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Nâng tỷ lệ 15 bác sỹ/10.000 dân (năm 2020); giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 10,8% (năm 2005) xuống còn 5% (năm 2020).

- Đến năm 2015: 70% người dân vùng nông thôn tham gia các hình thức bảo hiểm y tế.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các hội, đoàn thể hướng dẫn thực hiện các nội dung trên;

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án, lấy kiến tham gia của cộng đồng dân cư, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

8. Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung:

* *Nội dung 1:* Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Đến năm 2015: có trên 50% số xã (30 xã) đạt tiêu chuẩn xã có ấp văn hóa theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia; đến năm 2017: 100% số xã đạt tiêu chuẩn xã văn hóa theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia.

* *Nội dung 2:* Thực hiện thông tin và truyền thông nông thôn, đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đến năm 2015, 100% xã đạt tiêu chuẩn.

c) Phân công quản lý, thực hiện đề án:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện nội dung 1;

- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung 2;

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án, lấy kiến tham gia của cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

9. Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới; đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư, trường học, trạm y tế, công sở và các khu dịch vụ công cộng; thực hiện các yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái trên địa bàn xã. Đến năm 2015, 100% hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.

b) Nội dung:

* *Nội dung 1:* Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

* *Nội dung 2:* Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, áp theo quy hoạch, gồm: xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong ấp, tổ; xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các xã; chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng v.v...

- Nước thải từ các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp ở nông thôn, dịch vụ công cộng, khu dân cư sẽ được xử lý cục bộ, bảo đảm đến năm 2015 đạt 65% và năm 2017 đạt 100% tiêu chuẩn quy định trước khi xả vào hệ thống kênh, rạch, sông; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; không có hoạt động làm suy giảm môi trường; chất thải được thu gom, xử lý theo quy định. Từng bước cải tạo hệ thống sông rạch thành mạng lưới thoát nước có thể điều khiển được. Nâng tỷ lệ hộ dân có hố xí tự hoại đạt 100% (năm 2015), số hộ chăn nuôi sử dụng biogas giải quyết chất thải chăn nuôi đạt 100% (năm 2015).

- Hàng năm trồng mới khoảng 200.000 cây xanh (trong đó cây xanh đường phố là 5.000 cây, nhằm đảm bảo độ che phủ cây xanh thành phố đạt trên 40% (năm 2020).

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng và các hội, đoàn thể hướng dẫn thực hiện nội dung 1;

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng và các Hội, đoàn thể hướng dẫn thực hiện nội dung 2;

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án, lấy kiến tham gia của cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện.

10. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2015 có 100% số xã đạt chuẩn.

b) Nội dung:

- *Nội dung 1:* Tổ chức đào tạo cán bộ đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Đến năm 2015, 100% cán bộ xã đạt chuẩn.

- *Nội dung 2:* Xây dựng, ban hành các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã.

- *Nội dung 3:* Bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

Rà soát, xác định rõ vai trò của mỗi tổ chức trong xây dựng nông thôn mới; đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng. Tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, từng bước xây dựng nền hành chính văn minh, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các hội, đoàn thể hướng dẫn thực hiện nội dung trên;

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở, ngành thành phố xây dựng dự án theo nội dung có liên quan; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án theo nội dung 1, 3 và tổ chức thực hiện.

11. Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn:

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đến năm 2015 có 100% số xã đạt chuẩn.

b) Nội dung:

* *Nội dung 1:* Thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng và ban hành nội quy, quy ước làng xóm về trật tự, an ninh; phòng chống các tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu;

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Cựu Chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tại cơ sở. Các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác vận động tuyên truyền hội viên, đoàn viên làm nông cốt trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

* *Nội dung 2:* Điều chỉnh và bổ sung chức năng, nhiệm vụ và chính sách tạo điều kiện cho lực lượng an ninh xã, ấp, tổ hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở; vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, hạn chế đơn thư khiếu nại tố cáo.

- Quan tâm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đúng quy định của pháp luật, không để tình trạng khiếu kiện phức tạp đông người xảy ra.

- Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cho lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách và tự nguyện đảm bảo an ninh trật tự, đặc biệt là lực lượng công an xã, dân quân tự vệ, dự bị động viên... để thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

c) Phân công quản lý, thực hiện:

- Công an thành phố chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung trên;

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn các xã phối hợp cùng Sở Ngành thành phố xây dựng dự án theo nội dung có liên quan; đồng thời chỉ đạo, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện;

- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng dự án và tổ chức thực hiện.

IV. VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư cho chương trình: 17.578,8 tỷ đồng.

Trong đó bao gồm:

- Vốn ngân sách nhà nước: 10.321,4 tỷ đồng, tỷ lệ 59%;

- Vốn doanh nghiệp: 2.812,6 tỷ đồng, tỷ lệ 16%;

- Vốn tín dụng: 2.285,2 tỷ đồng, tỷ lệ 13%;
- Vốn nhân dân đóng góp: 1.933,7 tỷ đồng, tỷ lệ 11%;
- Các nguồn vốn khác: 234,0 tỷ đồng, tỷ lệ 1%.
- Ước tính đầu tư/xã: 338,1 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước 198,5 tỷ đồng.

2. Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 2010 - 2015: 9.668 tỷ đồng;
- Giai đoạn 2016 - 2017: 6.363 tỷ đồng;
- Giai đoạn 2018 - 2020: 1.548 tỷ đồng.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng nông thôn mới

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động từ thành phố đến cơ sở, để mọi tầng lớp nhân dân vùng nông thôn hiểu và hệ thống chính trị tham gia. Thường xuyên cập nhật, thông tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng các mô hình này.

b) Phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn thành phố. Nội dung xây dựng nông thôn mới phải trở thành nhiệm vụ chính trị của địa phương và các cơ quan có liên quan.

2. Cơ chế huy động vốn:

Thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình này.

a) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn thành phố.

b) Huy động tối đa nguồn lực tại địa phương để tổ chức triển khai chương trình và toàn bộ nguồn thu (sau khi trừ chi phí liên quan) từ đấu giá quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất hay cho thuê đất trên địa bàn.

c) Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp (nhà ở thương mại,...); doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của thành phố được ngân sách thành phố hỗ trợ sau phần đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án cụ thể.

đ) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư.

e) Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tín dụng: vốn tín dụng thương mại theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

g) Huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

3. Nguyên tắc cơ chế hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% từ ngân sách thành phố cho: công tác quy hoạch, đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã, xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã; hệ thống thủy lợi; cấp nước sinh hoạt; kinh phí cho công tác đào tạo nghề, kiến thức xây dựng nông thôn mới, cán bộ hợp tác xã.

b) Hỗ trợ một phần từ ngân sách thành phố cho các công trình thoát nước thải khu dân cư, giao thông trong tổ, ấp, nội đồng; kênh, mương nội đồng; phát triển sản xuất và dịch vụ; tụ điểm văn hóa ấp; công trình thể thao ấp; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

c) Mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố căn cứ điều kiện kinh tế xã hội để bố trí phù hợp với Nghị quyết số 43-CTr/TU ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã chưa tự cân đối ngân sách, xã làm tốt.

4. Cơ chế đầu tư:

a) Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã là Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã do Ủy ban nhân dân xã quyết định. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn mà Ban quản lý xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã;

b) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các xã, ấp, tổ có thời gian thực hiện dưới 2 năm hoặc giá trị công trình đến 3 tỷ đồng, chỉ cần lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, trong đó phải nêu rõ tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư và cơ chế huy động nguồn vốn kèm theo thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán;

Đối với các công trình có giá trị trên 3 tỷ đồng hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao thì việc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn phải theo quy định hiện hành.

Trong quá trình chuẩn bị đầu tư cần tiến hành lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các công trình cơ sở hạ tầng.

c) Ủy ban nhân dân huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư trên 3 tỷ đồng có nguồn gốc từ ngân sách và các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao;

d) Ủy ban nhân dân xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư đến 3 tỷ đồng có nguồn vốn từ ngân sách;

đ) Lựa chọn nhà thầu: Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện theo 3 hình thức:

- Giao các cộng đồng dân cư ấp, tổ (những người hưởng lợi trực tiếp từ chương trình) tự thực hiện xây dựng;
- Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng;
- Lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu (theo quy định hiện hành).

Khuyến khích thực hiện hình thức giao cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự thực hiện xây dựng.

Ban giám sát cộng đồng gồm đại diện của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức xã hội và đại diện của cộng đồng dân cư hưởng lợi công trình do dân bầu thực hiện giám sát các công trình cơ sở hạ tầng xã theo quy định hiện hành về giám sát đầu tư của cộng đồng.

5. Đào tạo cán bộ chuyên trách để triển khai chương trình mục tiêu quốc gia:

Hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách ở các cấp từ thành phố đến địa phương để triển khai có hiệu quả chương trình. Đồng thời, tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ thành phố đến địa phương.

Vận dụng Quyết định số 5952/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về bố trí cán bộ thực hiện đề án thí điểm xây dựng nông thôn mới tại 6 xã thuộc 5 huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho các xã nhân rộng.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện xây dựng và ban hành nội dung, tài liệu đào tạo, tổ chức tập huấn cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới.

6. Hợp tác quốc tế trong xây dựng nông thôn mới:

Vận động, hợp tác với các tổ chức quốc tế hỗ trợ tư vấn và kỹ thuật cho chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn vùng nông thôn thành phố.

Tranh thủ hỗ trợ vốn và vay vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế và các đối tác phát triển quốc tế để tăng nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới.

7. Điều hành, quản lý chương trình:

Thành lập Ban Chỉ đạo Xây dựng nông thôn mới thành phố và Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo để chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Trưởng ban, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Phó Trưởng ban thường trực, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban, thành viên là lãnh đạo các Sở, ban, ngành có liên quan và 5 huyện.

Thành lập Ban chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc thực hiện chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện để chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực, giúp Ban chỉ đạo thành phố thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

VI. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành thành phố:

a) Các Sở, ban, ngành được phân công thực hiện các nội dung của chương trình (tại mục III) chịu trách nhiệm về việc xây dựng cơ chế, chính sách; hướng dẫn xây dựng các đề án, dự án để thực hiện các nội dung theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, đồng thời, đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo thực hiện ở cơ sở.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực Chương trình, có nhiệm vụ:

- Giúp Ban Chỉ đạo thành phố thực hiện chương trình; chủ trì và phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về mục tiêu,

nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình của các Sở, ban, ngành, cơ quan thành phố và các huyện, tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành có liên quan cân đối và phân bổ nguồn lực cho chương trình thuộc nguồn vốn ngân sách thành phố; phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách, quản lý thực hiện chương trình.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành liên quan cân đối tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo và các Sở, ngành liên quan thẩm định và tổng hợp bố trí dự toán hàng năm kinh phí sự nghiệp thực hiện đề án.

đ) Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương hoàn thành quy hoạch ở các xã theo tiêu chí nông thôn mới.

e) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chính sách tín dụng của các ngân hàng tham gia thực hiện chương trình.

g) Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền phục vụ yêu cầu của chương trình.

2. Trách nhiệm của địa phương:

a) Tổ chức triển khai các chương trình trên địa bàn;

b) Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

c) Chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện chương trình và thực hiện chế độ báo cáo hàng năm.

3. Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể:

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức thành viên tích cực tham gia vào thực hiện chương trình; tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Toàn dân

đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, bổ sung theo các nội dung mới phù hợp với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2011/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 28 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Phòng Quản lý đô thị quận Bình Tân**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2008/TTLT-BXD-BNV ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2008/TTLT-BGTVT-BNV ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân

quận - huyện; Quyết định số 62/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ Quyết định số 79/2010/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 8900/2008/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về thành lập Phòng Quản lý đô thị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 127/TTr-NV ngày 17 tháng 02 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Bình Tân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Chánh Thanh tra Xây dựng quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Bình Tân
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Quản lý đô thị quận Bình Tân là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.

Phòng Quản lý đô thị quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố.

2. Chức năng:

Phòng Quản lý đô thị quận có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về: xây dựng; kiến trúc; quy hoạch xây dựng; phát triển đô thị; nhà ở và công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phân cấp quản lý (gồm: thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường đô thị; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị); phòng chống thiên tai (lũ, lụt, bão,...).

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Quản lý đô thị quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm; các chương trình, đề án, dự án đầu tư xây dựng về phát triển các ngành theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng trên địa bàn; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

b) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính về lĩnh vực được phân công sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực được phân công.

c) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi các loại giấy phép, quyết định cấp đổi số nhà thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

d) Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của Phòng.

đ) Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và các Sở, ngành liên quan.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra và đề xuất xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật, thuộc các lĩnh vực được phân công trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động các lĩnh vực được phân công trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

g) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực được phân công cho cán bộ, công chức phường trên địa bàn.

h) Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

i) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 01 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố quy định, trong đó có phòng, chống thiên tai (lũ, lụt, bão,...).

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, kiến trúc:

a) Giúp và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình, giấy phép đào đường và kiểm tra việc xây dựng công trình, đào đường theo giấy phép được cấp trên địa bàn quận theo sự phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Tổ chức thực hiện việc giao nộp và lưu trữ hồ sơ, tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, hồ sơ, tài liệu hoàn công công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt, hoặc tổ chức lập để Ủy ban nhân dân quận trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn quận theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức lập, thẩm định Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thuộc địa giới hành chính của quận để Ủy ban nhân dân quận trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hoặc Ủy ban nhân dân quận phê duyệt theo phân cấp.

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các công trình theo Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức công bố, công khai các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị; cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc đô thị; quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng trên địa bàn quận theo phân cấp.

g) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo trì, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm: cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị; thông tin liên lạc; cung cấp năng lượng và các công trình khác)

trên địa bàn quận theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố, quận.

h) Giúp Ủy ban nhân dân quận trong việc tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về nhà ở và công sở; quản lý quỹ nhà ở và quyền quản lý sử dụng công sở trên địa bàn quận theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở và công sở trên địa bàn quận.

i) Phối hợp với Thanh tra Xây dựng quận hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với các công chức Thanh tra Xây dựng phường.

k) Thực hiện công tác thu thập, cập nhật số liệu hiện trạng liên quan đến việc xây dựng phát triển đô thị, về các công trình xây dựng, về cơ sở hạ tầng bao gồm mạng lưới hạ tầng kỹ thuật (giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, cấp thoát nước, cấp điện, các công trình ngầm...) và hạ tầng xã hội (công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ, công viên cây xanh...) trên địa bàn quận và quản lý theo quy định.

l) Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn hoạt động đối với các hội; tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng trên địa bàn quận theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về lĩnh vực giao thông vận tải:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận dự thảo: chương trình, giải pháp huy động, phối hợp liên ngành trong thực hiện công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn; các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; về phân loại đường theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường thủy nội địa địa phương đang khai thác do quận chịu trách nhiệm quản lý.

c) Quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm công trình giao thông, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải tỏa lấn chiếm hành lang an toàn giao thông trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận.

đ) Tham gia Ban An toàn giao thông quận; phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không xảy ra trên địa bàn quận.

4. Thực hiện một số nhiệm vụ khác:

a) Xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và các công trình phòng, chống lũ, lụt, bão trên địa bàn. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão; tìm kiếm cứu nạn theo quy định; đề xuất phương án, biện pháp và tham gia chỉ đạo việc phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai về lũ, lụt, bão, sạt, lở, hạn hán... trên địa bàn.

b) Phối hợp với thanh tra và các cơ quan kiểm tra, xử lý đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao trên địa bàn quận.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Quản lý đô thị quận có Trưởng phòng phụ trách và không quá 03 Phó Trưởng phòng giúp việc cho Trưởng phòng. Phòng Quản lý đô thị làm việc theo chế độ Thủ trưởng.

a) Trưởng phòng là người đứng đầu cơ quan, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc các Sở, ngành liên quan đến chức năng, nhiệm vụ về thực hiện các mặt công tác chuyên môn.

b) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ; việc miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được Trưởng phòng phân công; khi

Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng. Các Phó Trưởng phòng thực hiện các công việc do Trưởng phòng phân công theo lĩnh vực và liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên những phần việc được phân công phụ trách.

d) Tùy theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của cán bộ lãnh đạo Phòng (Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng), trong số các lãnh đạo Phòng phải có ít nhất 01 người được phân công chuyên trách quản lý, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước ngành xây dựng và theo chuyên ngành cụ thể.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý đô thị trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Quản lý đô thị quận tổ chức thành các Tổ gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ Cấp giấy phép xây dựng;
- Tổ Quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị;
- Tổ Quản lý nhà ở và công sở;
- Tổ Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tổ Hành chính, quản trị.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể, Phòng Quản lý đô thị quận có thể phân công cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Số lượng biên chế cụ thể làm công tác quản lý ngành của Phòng Quản lý đô thị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ

trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Quản lý đô thị chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác của Phòng. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với Sở, ngành thành phố:

Phòng Quản lý đô thị chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở, ngành liên quan; báo cáo kết quả hoạt động công tác chuyên môn định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc các Sở, ngành liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận. Trường hợp chủ trì phối hợp công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng phòng Quản lý đô thị chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

a) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 về việc ban hành quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu

chuẩn công chức và người lao động của Phòng phù hợp với đặc điểm của đơn vị nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ quận./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2011/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 10 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Bình Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 90/2009/TTLT-BTC-BNV ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện.

Căn cứ Quyết định số 8891/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về thành lập Phòng Tài chính - Kế hoạch trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tại Công văn số 192/TCKH ngày 11 tháng 02 năm 2011 và Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 168/TTr-NV ngày 07 tháng 3 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Bình Tân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 4719/2005/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Bình Tân.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tư pháp quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Bình Tân

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND

ngày 10 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân)

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Bình Tân là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố.

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Chức năng:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận Bình Tân thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tài chính; tài sản; giá; kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế

hoạch 5 năm và hàng năm về phát triển kinh tế - xã hội, lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư; chương trình, biện pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra việc thi hành pháp luật về tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận; giúp Ủy ban nhân dân quận giải quyết khiếu nại, tố cáo, các tranh chấp theo quy định của pháp luật.

3. Về lĩnh vực tài chính:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc quận, Ủy ban nhân dân phường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận dự toán ngân sách quận theo hướng dẫn của Sở Tài chính;

b) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý, dự toán chi ngân sách quận và tổng hợp dự toán ngân sách phường, phương án phân bổ ngân sách quận trình Ủy ban nhân dân quận; lập dự toán ngân sách điều chỉnh trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân quận; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kế toán của phường và các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của nhà nước thuộc quận;

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách phường; xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách hỗ trợ; lập quyết toán thu, chi ngân sách quận; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận và quyết toán thu, chi ngân sách quận (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách quận và quyết toán thu, chi ngân sách phường) báo cáo Ủy ban nhân dân quận để trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

Tổ chức thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt quyết toán đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách quận quản lý;

e) Quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc

quận quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản nhà nước;

g) Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá theo quy định của Chính phủ và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn. Thực hiện công tác định giá các tài sản liên quan trong tổ tụng hình sự và quy định của Chính phủ;

i) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính ngân sách của nhà nước theo quy định của pháp luật;

k) Tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán về lĩnh vực tài chính ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

4. Về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư:

a) Tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm (kể cả danh mục các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thuộc các nguồn vốn); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng hàng năm đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

b) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch đấu thầu và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

c) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn cung cấp thông tin dự án, xúc tiến đầu tư, giám sát và đánh giá đầu tư, kêu gọi và tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn quận; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư phường.

5. Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và các Sở liên quan.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

7. Quản lý cán bộ, công chức và tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng;

b) Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Trong số các lãnh đạo Phòng (Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng) phải có người được phân công chuyên trách quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư;

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật;

Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức của Phòng làm công tác quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm công tác tại quận mà số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ trong tổng số biên chế của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm sao cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng phụ trách chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức Phòng một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Môi quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch quận chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức Tài chính - Kế toán phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2011/CT-UBND

Tân Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2011

CHỈ THỊ

Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP
ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về những giải pháp
chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô,
bảo đảm an sinh xã hội; phấn đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu
kinh tế - xã hội, ngân sách quận năm 2011

Thực hiện Chỉ thị số 08/2011/CT-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, phấn đấu thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, ngân sách thành phố năm 2011; Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo như sau:

1. Các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban nhân dân 15 phường quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, phối hợp thực hiện nghiêm túc chính sách tiền tệ:

1.1. Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp Công an quận, Chi Cục Thuế, Đội Quản lý thị trường và Ủy ban nhân dân 15 phường:

a) Thống kê, rà soát tất cả các điểm thu đổi ngoại tệ, kinh doanh vàng trên địa bàn, nắm chắc và báo cáo tình hình hoạt động thu đổi ngoại tệ, kinh doanh vàng trong thời gian qua; góp phần cùng thành phố trong việc quản lý chặt chẽ tỷ giá ngoại hối, thị trường ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng trong thời gian tới, trước mắt đến hết năm 2011.

b) Tăng cường phối hợp kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định

về hoạt động thu đổi ngoại tệ, kinh doanh vàng; đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định.

1.2. Phòng Kinh tế phối hợp Hội Doanh nghiệp tổ chức quán triệt và vận động các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc chủ trương tăng cường quản lý ngoại hối của Chính phủ, việc mua bán ngoại tệ phải thông qua ngân hàng và các đại lý được phép thu đổi ngoại tệ, góp phần bình ổn tỷ giá.

2. Tăng cường công tác quản lý và điều hành có hiệu quả ngân sách quận, thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách:

2.1. Tập trung huy động và quản lý chặt chẽ các nguồn thu ngân sách quận để đáp ứng nhu cầu chi cho đầu tư phát triển:

a) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì:

- Phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường và Chi Cục thuế tham mưu Ủy ban nhân dân quận triển khai thực hiện Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hướng dẫn của thành phố; đồng thời, báo cáo đề xuất thành phố xem xét, giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện tăng thêm nguồn thu cho ngân sách.

- Phối hợp các phòng, ban liên quan đẩy nhanh quy trình, thủ tục khi thực hiện việc bán tài sản là nhà, đất và chuyển quyền sử dụng đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án.

- Phối hợp Kho bạc Nhà nước quận tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc thu hồi các khoản nợ tạm ứng ngân sách; hàng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân quận về tiến độ và kết quả thực hiện.

b) Giao Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng chủ trì, phối hợp các ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân 15 phường tăng cường công tác vận động, đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án đang triển khai trên địa bàn quận.

c) Giao Chi Cục Thuế phối hợp các phòng, ban, Ban Quản lý các chợ và Ủy ban nhân dân 15 phường:

- Tập trung triển khai các biện pháp khai thác, quản lý và bồi dưỡng nguồn thu, chống thất thu ngân sách nhà nước; phấn đấu thu ngân sách năm 2011 đạt và vượt tối thiểu 7% so với dự toán ngân sách được giao theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Kiểm tra, rà soát việc thực hiện đồng bộ các giải pháp triển khai nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2011; trong đó, lưu ý việc tăng cường kiểm tra, giám sát trong quản lý thu thuế, chống thất thu thuế; tập trung xử lý nợ đọng thuế; không để phát sinh số nợ thuế khó đòi mới trong năm 2011.

2.2. Rà soát lại nhiệm vụ chi ngân sách năm 2011, phấn đấu tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên ngân sách quận của 9 tháng còn lại trong dự toán năm 2011 (không bao gồm tiền lương và các khoản có tính chất lương, chi chế độ chính sách cho con người và khoản tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Giao Thủ trưởng các phòng, ban, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách:

- Thực hiện, quản lý, sử dụng ngân sách được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã ban hành, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí. Không sử dụng ngân sách để trang bị những phương tiện tài sản có giá trị lớn như xe ô tô, máy điều hòa nhiệt độ...; giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu...; không bố trí kinh phí cho những công việc chưa thật sự cấp bách; tiết giảm tối đa chi phí hội nghị, hội thảo, tổng kết, sơ kết, tiếp khách, đi công tác, đi nước ngoài...

- Không bổ sung ngân sách ngoài dự toán, trừ các trường hợp thực hiện theo chính sách, chế độ của Trung ương và thành phố; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

b) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Khẩn trương rà soát lại việc bố trí ngân sách năm 2011, tham mưu Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi ngân sách, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực cần tập trung thực hành tiết kiệm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Triển khai kế hoạch kiểm tra ngân sách năm 2011, tập trung công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu ngân sách và mua sắm, quản lý tài sản công của các cơ quan, đơn vị; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm.

2.3. Điều hành chặt chẽ và linh hoạt vốn ngân sách quận chi cho đầu tư xây dựng cơ bản:

a) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp Phòng Quản lý đô thị, Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình, Kho bạc Nhà nước quận thực hiện:

- Không giải quyết tạm ứng kế hoạch vốn năm 2012 từ ngân sách quận cho các dự án, công trình, trừ dự án phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai cấp bách. Không kéo dài thời gian thực hiện kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách trong năm 2011; kiên quyết thu hồi, điều chuyển các khoản vốn đã bố trí nhưng chưa cấp bách, chưa đúng mục tiêu để bố trí vốn cho các dự án, công trình có khả năng hoàn thành trong năm 2011. Không khởi công các dự án, công trình mới theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đề xuất Ủy ban nhân dân quận thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, rà soát tiến độ thi công, giải ngân của các dự án, công trình đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách và có tính chất ngân sách trên địa bàn quận để đề xuất kế hoạch điều hòa vốn; kiên quyết dừng các công trình đầu tư kém hiệu quả, đầu tư dàn trải, chưa cần thiết, tập trung cho các dự án, công trình chuyển tiếp, các dự án, công trình trọng điểm có khả năng hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2011 để phát huy hiệu quả đầu tư và hiệu quả xã hội, góp phần tích cực trong tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của quận.

- Chuẩn bị tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được bố trí vốn trong năm 2011; lập danh mục các dự án, công trình được triển khai thực hiện, các dự án, công trình phải dừng, đình hoãn, giãn tiến độ thực hiện, trình Ủy ban nhân dân quận báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trong tháng 3 năm 2011.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện các giải pháp thu hút các nguồn vốn xã hội hóa đầu tư vào các dự án, công trình trọng điểm, cấp bách của quận, góp phần giảm áp lực cho ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

b) Giao Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích chủ động rà soát lại tiến độ triển khai thực hiện các dự án, công trình trong phạm vi quản lý có sử dụng vốn ngân sách nhà nước; xây dựng kế hoạch điều chỉnh vốn, tập trung vốn cho các dự án, công trình trọng điểm, cấp bách, hoàn thành trong năm 2011; sắp xếp lại danh mục đầu tư năm 2011 để có kế hoạch cân đối vốn cho phù hợp khả năng

đầu tư, báo cáo danh mục về Phòng Tài chính - Kế hoạch trong tháng 3 năm 2011 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

3. Tập trung thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, đáp ứng cung cầu hàng hóa, góp phần bình ổn giá cả thị trường và kiềm chế lạm phát:

3.1. Giao Phòng Kinh tế:

- Chủ trì, phối hợp Chi Cục Thuế, Hội Doanh nghiệp tham mưu Ủy ban nhân dân quận tổ chức tiếp xúc với các doanh nghiệp trên địa bàn quận, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhằm lắng nghe và giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất thành phố giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh để thu hút đầu tư phát triển. Khuyến khích các doanh nghiệp vay vốn mở rộng sản xuất, kinh doanh, đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh, góp phần bình ổn thị trường và tích cực tìm kiếm cơ hội xuất khẩu. Tập trung thúc đẩy chương trình xuất khẩu, giảm nhập khẩu, nhất là hàng tiêu dùng, xa xỉ.

- Phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo tổng kết việc tham gia, phối hợp thực hiện Chương trình bình ổn thị trường trên địa bàn quận thời gian qua và triển khai thực hiện Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu cả năm 2011 và Tết Nhâm Thìn năm 2012 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố vào cuối tháng 3 năm 2011.

- Chủ trì, phối hợp với Điện lực Tân Bình, các phòng, ban có liên quan và Ủy ban nhân dân 15 phường triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận về triển khai thực hiện tiết kiệm điện trên địa bàn quận năm 2011; phấn đấu tiết kiệm 10% sản lượng điện tiêu thụ trong tiêu dùng dân cư (tiết kiệm sử dụng điện trong các cơ quan, đơn vị; điện chiếu sáng công cộng, quảng cáo, khuyến khích sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện...), ưu tiên sử dụng điện phục vụ sản xuất.

- Phối hợp Đội Quản lý thị trường, Công an quận, Ủy ban nhân dân 15 phường và Ban Quản lý các chợ tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, chủ động nắm bắt thông tin và dự báo tình hình biến động cung cầu hàng hóa trên địa bàn quận, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu như: gạo, lương thực, thực phẩm, xăng dầu, phân bón, sữa, thuốc chữa bệnh... tham mưu đề xuất kế hoạch đối phó kịp thời, không để xảy ra tình trạng biến động giá, đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý, tung tin thất thiệt gây rối loạn thị trường.

3.2. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Chủ động, kịp thời nắm chắc thông tin thị trường về giá (tập trung tại các chợ), thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo giá cả thị trường, nhất là các loại hàng hóa thiết yếu thuộc danh mục hàng hóa chương trình bình ổn giá của thành phố.

- Phối hợp thực hiện công tác đăng ký giá, kê khai giá theo Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và hướng dẫn việc công khai thông tin về giá đối với danh mục các nhóm mặt hàng thuộc diện bình ổn giá và các nhóm mặt hàng, dịch vụ do Nhà nước định giá.

- Phối hợp Phòng Kinh tế, Đội Quản lý thị trường và Ủy ban nhân dân 15 phường tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các hộ kinh doanh tại các chợ, nơi mua bán tập trung, các cửa hàng, đại lý, siêu thị tham gia chương trình bình ổn giá; kiểm tra các doanh nghiệp đã đăng ký, kê khai giá theo Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính; đặc biệt là đối với 4 mặt hàng: gạo, xăng dầu, sữa, thuốc chữa bệnh.

3.3. Liên hiệp Hợp tác xã thương mại dịch vụ Tân Bình căn cứ tình hình nhu cầu tiêu dùng, khả năng cung ứng; xây dựng kế hoạch dự trữ, lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ; tập trung vào các loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân, nhất là các loại hàng hóa thiết yếu thuộc danh mục hàng hóa chương trình bình ổn giá của thành phố. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ chi phí quản lý, kinh doanh, đổi mới quản trị doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần thực hiện tốt chương trình bình ổn giá trên địa bàn quận.

4. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an sinh xã hội và ổn định tâm lý xã hội:

4.1. Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mặt công tác nhằm bảo đảm các chính sách an sinh xã hội đã được xác định trong Chương trình số 01/Ctr-UBND và Chương trình số 02/Ctr-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận về chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và điều hành thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trên lĩnh vực văn hóa - xã hội năm 2011.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ người nghèo. Đề xuất việc tiết kiệm chi, dành ngân sách và đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực xã hội giúp người nghèo, nhất là diện chính sách, hưu trí, hộ nghèo, người khuyết tật, người già neo đơn, công nhân, sinh viên và lực lượng vũ trang gặp khó khăn.

Phối hợp Ủy ban nhân dân 15 phường rà soát, nắm danh sách để có biện pháp hỗ trợ kịp thời đối với các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo; không để họ gặp khó khăn hơn do tác động của việc tăng giá điện, xăng dầu; đảm bảo cho các đối tượng là hộ nghèo được nhận hỗ trợ đầy đủ và kịp thời khi điều chỉnh giá điện tăng theo chủ trương của Chính phủ.

- Phối hợp Bảo hiểm xã hội quận và các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện các chính sách bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.

4.2. Phòng Giao dịch Tân Bình - Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân 15 phường và các đoàn thể tạo điều kiện cho vay vốn đối với người nghèo để họ làm ăn, đảm bảo ổn định cuộc sống và chương trình cho vay đối với sinh viên, học sinh không để nghỉ học, bỏ học do những tác động trên.

5. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong nội bộ và ngoài xã hội về chủ trương tiết kiệm, góp phần kiềm chế lạm phát:

5.1. Giao Phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp Trung tâm Văn hóa Thể thao xây dựng nội dung tuyên truyền, quán triệt trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về nội dung Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch thông tin tuyên truyền của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 23 tháng 02 năm 2011; đặc biệt là về chủ trương điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá của các ngành chức năng; định hướng để nhân dân hiểu, đồng tình với chủ trương của Chính phủ, nhận thức đúng ý nghĩa của Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 08/2011/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố.

5.2. Các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân 15 phường nắm chắc tình hình, dư luận xã hội, kịp thời phát hiện, có biện pháp giải quyết tốt ngay từ cơ sở các vấn đề xã hội bức xúc tại từng địa bàn dân cư, doanh nghiệp... không để lây lan, bị động, bất ngờ, không để phát sinh thành “điểm nóng” ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp đưa tin sai sự thật, thiếu chính xác, phao tin đồn nhảm, đưa tin thất thiệt, gây mất ổn định xã hội. Làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp, phản ánh bức xúc của nhân dân theo đúng quy định của pháp luật.

5.3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân 15 phường làm tốt công tác tư tưởng thông qua việc tuyên

truyền, vận động để nhân dân nhận thức đúng, hiểu rõ, tham gia tích cực, thiết thực, tạo sự đồng thuận cao trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 08/2011/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố; tham gia giám sát các cơ quan chức năng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức cuộc vận động thực hiện tiết kiệm trong nội bộ và toàn xã hội, trong từng cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, trên các lĩnh vực để góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời, phát động và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, kịp thời biểu dương, nhân rộng những gương điển hình trong lao động sản xuất, trong tiết kiệm chi tiêu ngân sách, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm tiêu dùng cá nhân, không tiêu dùng hàng xa xỉ, đắt tiền, tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chống “đô la hóa” nền kinh tế.

6. Tổ chức thực hiện:

6.1. Thủ trưởng các phòng ban, cơ quan, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường:

a) Tổ chức quán triệt trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị về mục tiêu, yêu cầu, nội dung và những giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 08/2011/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Quận ủy khóa X, Chương trình chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận và Chỉ thị này; nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn thử thách, hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội năm 2011 của quận.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu Ủy ban nhân dân quận xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 08/2011/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố. Thời gian thực hiện: trong tháng 3 năm 2011.

c) Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quý I năm 2011 và các nội dung của Chỉ thị này, tổ chức rà soát các chỉ tiêu chủ yếu của ngành, đơn vị; phân tích đánh giá những mặt làm được, những khó khăn phát sinh, nguyên nhân; đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể hàng tháng, quý và tập trung chỉ đạo, điều hành, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đã đề ra.

6.2. Chỉ thị này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch theo dõi tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, Chỉ thị số 08/2011/CT-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố và Chỉ thị này; tổng hợp báo cáo hàng tháng, quý; trình Ủy ban nhân dân quận vào ngày 10 của tháng (đối với báo cáo tháng) và ngày 10 của tháng cuối quý (đối với báo cáo quý); tổng hợp báo cáo tổng kết trình Ủy ban nhân dân quận trước ngày 05 tháng 12 năm 2011 để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Quận ủy./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Thị Dư

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng